

Số: 04 /QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 07 tháng 04 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2011

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 2145/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2011;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2011;

Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-BKH ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển thuộc ngân sách Nhà nước năm 2011;

Căn cứ Thông tư số 202/2010/TT-BTC ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2010/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về việc thông qua dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2011 tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2010/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2011 tỉnh Bạc Liêu;

Xét Tờ trình số 698/TTr-STC ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2011 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (theo biểu đính kèm); bao gồm cả các khoản ngân sách tỉnh đã chi ứng trước phải thu hồi vào dự toán ngân sách năm 2011.

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được giao:

1. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh (Đơn vị dự toán cấp I) giao dự toán thu, chi cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc chi tiết theo từng lĩnh vực chi tương ứng với loại, khoản của mục lục ngân sách Nhà nước (Không phân bổ chi tiết theo các nhóm mục chi và không phân bổ chi tiết theo từng quý trong năm).

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách huyện, thành phố theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, mức bổ sung từ ngân sách huyện, thành phố cho từng xã, phường, thị trấn.

Các huyện, thành phố phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2011 cho các lĩnh vực: Đầu tư xây dựng cơ bản; sự nghiệp kinh tế; môi trường; khoa học công nghệ; giáo dục - đào tạo; y tế và ngân sách xã không thấp hơn mức dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao (*Do Sở Tài chính hướng dẫn*).

Đối với các lĩnh vực khác, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ chế độ chính sách chi ngân sách, khối lượng nhiệm vụ của từng lĩnh vực, yêu cầu thực tế của địa phương và chỉ tiêu hướng dẫn của Sở Tài chính, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ và giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Trong phân bổ dự toán chi năm 2011, các cơ quan, đơn vị, địa phương (*Kể cả các đơn vị sự nghiệp có thu thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và cơ quan Nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ*) phải cân đối nguồn để thực hiện cải cách tiền lương, bao gồm:

a) 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2011 (*Trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương theo mức lương tối thiểu 730.000 đồng*);

b) 40% số thu của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được để lại theo quy định (*Riêng ngành y tế 35%, sau khi trừ chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao*) để thực hiện cải cách tiền lương năm 2011;

c) Ngoài ra, đối với ngân sách huyện, thành phố (*Kể cả ngân sách xã, phường, thị trấn*) còn phải cân đối thêm 50% tăng thu ngân sách (*Không kể số tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất*) thực hiện năm 2011 so với dự toán năm 2010 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

d) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2010 chưa sử dụng hết (*nếu có*) chuyển sang;

Sau khi thực hiện các biện pháp nêu trên mà không đủ nguồn thì ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ để đảm bảo nguồn thực hiện cải cách tiền lương. Trường hợp nguồn cải cách tiền lương xác định theo các quy định trên của đơn vị và các cấp ngân sách lớn hơn nhu cầu chỉ thực hiện cải cách tiền lương theo quy định thì tiếp tục chuyển sang năm sau để tạo nguồn cải cách tiền lương, không được sử dụng cho các mục tiêu khác.

4. Khi phân bổ và giao dự toán chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc, các cơ quan cấp tỉnh (*Đơn vị dự toán cấp I*) và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phải xác định và giao nhiệm vụ thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2011 (*Trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương theo mức lương tối thiểu 730.000 đồng*).

Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn khi phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc phải giữ lại phần 10% tiết kiệm (*Không kể các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tài chính theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006; Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ và cơ quan Nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ*), để thực hiện chế độ cải cách tiền lương trong năm 2011.

Các cấp ngân sách tỉnh, huyện quản lý tập trung nguồn 10% tiết kiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc ngân sách cấp mình (*Không kể các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và cơ quan Nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ*) để thực hiện điều hòa chung giữa các đơn vị khi xác định nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương của từng cơ quan, đơn vị thuộc ngân sách cấp mình.

5. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn nội dung chi tiết các chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2011 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện dự toán ngân sách nhà nước đã giao tại Điều 1.

Chậm nhất 05 ngày sau khi dự toán ngân sách huyện, thành phố được Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bế

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Ban KT-NS của HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Trưởng, phó phòng TH, NV;
- Các chuyên viên;
- Lưu VP (B.QĐ04)

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2011Đơn vị: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU**

(Kèm theo QĐ số 04/2011/QĐ-UBND ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh Bạc Liêu)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
I	PHẦN THU	11.956.000	
1	Tổng số thu từ phí, lệ phí; thu khác		
2	Số thu được để lại chi	11.956.000	
3	Số thu nộp ngân sách	-	
II	TỔNG SỐ CHI	29.302.000	
1	Chi đầu tư phát triển	10.500.000	
2	Chi thường xuyên(1)	18.802.000	
	- Chi trợ giá trợ cước hàng chính sách		
	- Chi SN kinh tế		
	- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	18.652.000	
	- Chi sự nghiệp y tế	-	
	- Chi SN khoa học công nghệ	150.000	
	- Chi SN Văn hoá TT	-	
	- Chi SN phát thanh truyền hình	-	
	- Chi NS thể dục thể thao	-	
	- Chi đảm bảo XH	-	
	- Chi quản lý hành chính Nhà nước	-	
	- Chi an ninh quốc phòng	-	
	- Chi khác ngân sách	-	
3	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	
III	Chỉ tiêu tiết kiệm(10% chi thường xuyên) (	612.800	

Ghi chú:

(1) Dự toán chi thường xuyên đã bao gồm tiền lương theo Nghị định số 28/2010/NĐ-CP ngày 25/3/2010 của Chính Phủ, các khoản phụ cấp đặc thù như: phụ cấp nghề thanh tra, kiểm tra; phụ cấp ưu đãi ngành giáo dục, y tế; kinh phí hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp; phụ cấp độc hại, trách nhiệm,....

(2) Tính bằng 10% số chi hoạt động thường xuyên (không kể nhóm chi con người).

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2012

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 2113/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 2880/QĐ-BTC ngày 28/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 177/2011/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2011/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về việc thông qua dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2012 tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2011/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về việc thông qua phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2012 tỉnh Bạc Liêu;

Xét Tờ trình số 749/TTr-STC ngày 19 tháng 12 năm 2011 của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2012 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (theo biểu đính kèm); bao gồm cả các khoản ngân sách tỉnh đã chi ứng trước phải thu hồi vào dự toán ngân sách năm 2012.

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách Nhà nước được giao!

1. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh (Đơn vị dự toán cấp I) giao dự toán thu, chi cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc chi tiết theo từng lĩnh vực chi tương ứng với loại, khoản của mục lục ngân sách Nhà nước (Không phân bổ chi tiết theo các nhóm mục chi và không phân bổ chi tiết theo từng quý trong năm).

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách huyện, thành phố theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, mức bổ sung từ ngân sách huyện, thành phố cho từng xã, phường, thị trấn.

Các huyện, thành phố phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2012 cho các lĩnh vực: Đầu tư xây dựng cơ bản; sự nghiệp kinh tế; môi trường; khoa học công nghệ; giáo dục - đào tạo; y tế và ngân sách xã không thấp hơn mức dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Đối với các lĩnh vực khác, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ chế độ chính sách chi ngân sách, khối lượng nhiệm vụ của từng lĩnh vực, yêu cầu thực tế của địa phương và chỉ tiêu hướng dẫn của Sở Tài chính, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, phân bổ và giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

3. Trong phân bổ dự toán chi năm 2012, các cơ quan, đơn vị, địa phương (*Kể cả các đơn vị sự nghiệp có thu thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và cơ quan Nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ*) phải cân đối nguồn để thực hiện cải cách tiền lương, bao gồm:

a) 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2012 (*Trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương theo mức lương tối thiểu 830.000 đồng*);

b) 40% số thu của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được để lại theo quy định (*Riêng ngành y tế 35%, sau khi trừ chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao*) để thực hiện cải cách tiền lương năm 2012;

c) Ngoài ra, đối với ngân sách huyện, thành phố (*Kể cả ngân sách xã, phường, thị trấn*) còn phải cân đối thêm 50% tăng thu ngân sách (*Không kể số tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất*) thực hiện năm 2012 so với dự toán năm 2011 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

d) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2011 chưa sử dụng hết (*nếu có*) chuyển sang;

Sau khi thực hiện các biện pháp nêu trên mà không đủ nguồn thì ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ để đảm bảo nguồn thực hiện cải cách tiền lương. Trường hợp nguồn cải cách tiền lương xác định theo các quy định trên của đơn vị và các cấp ngân sách lớn hơn nhu cầu chi thực hiện cải cách tiền lương theo quy định thì tiếp tục chuyển sang năm sau để tạo nguồn cải cách tiền lương, không được sử dụng cho các mục tiêu khác.

4. Khi phân bổ và giao dự toán chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc, các cơ quan cấp tỉnh (*Đơn vị dự toán cấp I*) và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phải

xác định và giao nhiệm vụ thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2012 (Trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương theo mức lương tối thiểu 830.000 đồng).

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn khi phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc phải giữ lại phần 10% tiết kiệm (Không kể các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tài chính theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006; Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ và cơ quan Nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ), để thực hiện chế độ cải cách tiền lương trong năm 2012.

Các cấp ngân sách tỉnh, huyện quản lý tập trung nguồn 10% tiết kiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc ngân sách cấp mình (Không kể các đơn vị sự nghiệp có thu thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và cơ quan Nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ) để thực hiện điều hòa chung giữa các đơn vị khi xác định nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương của từng cơ quan, đơn vị thuộc ngân sách cấp mình.

5. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn nội dung chi tiết các chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2012 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện dự toán ngân sách nhà nước đã giao tại Điều 1, Quyết định này.

Chậm nhất 05 ngày sau khi dự toán ngân sách huyện, thành phố được Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Ban KT-NS của HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Trưởng, phó phòng TH, NV;
- Các chuyên viên;
- Lưu VP. (B.QĐ72)



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2012
Đơn vị: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU
(Kèm theo Quyết định số 58/2011/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 của UBND tỉnh Bạc Liêu)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
I	PHẦN THU	16.040.000	
1	Tổng số thu từ phí, lệ phí, thu khác		
2	Số thu được để lại chi	16.040.000	
3	Số thu nộp ngân sách	-	
II	TỔNG SỐ CHI	28.490.000	
1	Chi đầu tư phát triển	5.000.000	
	Trong đó : - Chi xây dựng cơ bản	5.000.000	
	- Chi hỗ trợ vốn DNNN		
2	Chi thường xuyên(1)	23.490.000	
	- Chi trợ giá trợ cước hàng chính sách	-	
	- Chi SN kinh tế	-	
	- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	23.340.000	
	- Chi sự nghiệp y tế	-	
	- Chi SN khoa học công nghệ	150.000	
	- Chi SN Văn hoá TT	-	
	- Chi SN phát thanh truyền hình	-	
	- Chi NS thể dục thể thao	-	
	- Chi đảm bảo XH	-	
	- Chi quản lý hành chính Nhà nước	-	
	- Chi an ninh quốc phòng	-	
	- Chi khác ngân sách	-	
3	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	
III	CHỈ TIÊU TIẾT KIỆM (10% chi thường xuyên) (2)	831.500	

Ghi chú:

(1) Dự toán chi thường xuyên đã bao gồm tiền lương theo Nghị định số 22/2011/NĐ-CP ngày 04/4/2011 của Chính phủ, các khoản phụ cấp đặc thù như: phụ cấp nghề thanh tra, kiểm tra; phụ cấp ưu đãi của ngành giáo dục, y tế; kinh phí hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp; phụ cấp độc hại, trách nhiệm; phụ cấp công vụ 10% theo Nghị định số 57/2011/NĐ-CP ngày 07/7/2011; phụ cấp 30% khối Đảng, Đoàn thể theo hướng dẫn số 05-HD/BTCTW ngày 01/7/2011 của Ban chấp hành Trung ương Đảng,

Đối với đơn vị Quản lý hành chính, Đoàn thể và đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên đã được đảm bảo tỷ lệ chi cho hoạt động đủ 30%/ tổng mức chi; riêng đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục, đào tạo là 20%/ tổng mức dự toán chi được giao.

(2) Tiết kiệm tính bằng 10% số chi hoạt động thường xuyên của năm 2012 so với chi hoạt động thường xuyên năm 2011 (không kể nhóm chi cho con người).

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 1792/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 3063/QĐ-BTC ngày 03/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về việc thông qua dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2013 tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2012/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về việc thông qua phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2013 tỉnh Bạc Liêu;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 955/TTr-STC ngày 19 tháng 12 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, bao gồm cả các khoản ngân sách tỉnh đã chi ứng trước phải thu hồi vào dự toán ngân sách năm 2013.

(Chi tiết theo các phụ biểu từ 01 đến 07 và thuyết minh dự toán đính kèm)

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách Nhà nước được giao:

1. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh (*Đơn vị dự toán cấp I*) giao dự toán thu, chi cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc chi tiết theo từng lĩnh vực chi tương ứng với loại, khoản của mục lục ngân sách Nhà nước (*Không phân bổ chi tiết theo các nhóm mục chi và không phân bổ chi tiết theo từng quý trong năm*).

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách huyện, thành phố theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân

dân các huyện, thành phố quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, mức bổ sung từ ngân sách huyện, thành phố cho từng xã, phường, thị trấn.

Các huyện, thành phố phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2013 cho các lĩnh vực: Đầu tư xây dựng cơ bản; môi trường; khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo và ngân sách xã không thấp hơn mức dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Đối với các lĩnh vực khác, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ chế độ chính sách chi ngân sách, khối lượng nhiệm vụ của từng lĩnh vực, yêu cầu thực tế của địa phương và hướng dẫn của UBND tỉnh, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, phân bổ và giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

3. Trong phân bổ dự toán chi năm 2013, các cơ quan, đơn vị, địa phương (*Kể cả các đơn vị sự nghiệp có thu thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và cơ quan Nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ*) phải cân đối nguồn để thực hiện cải cách tiền lương, bao gồm:

a) 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2013 (*Trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương theo mức lương tối thiểu 1.050.000 đồng*);

b) 40% số thu của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được để lại theo quy định (*Riêng ngành y tế 35%, sau khi trừ chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư y tế tiêu hao*) để thực hiện cải cách tiền lương năm 2013;

c) Ngoài ra, đối với ngân sách huyện, thành phố (*Kể cả ngân sách xã, phường, thị trấn*) còn phải cân đối thêm 50% tăng thu ngân sách (*Không kể số tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất*) dự toán năm 2013 so với dự toán năm 2012 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

d) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2012 chưa sử dụng hết (*nếu có*) chuyển sang;

Sau khi thực hiện các biện pháp nêu trên mà không đủ nguồn chi thì ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ để đảm bảo nguồn thực hiện cải cách tiền lương. Trường hợp nguồn cải cách tiền lương xác định theo các quy định trên của đơn vị và các cấp ngân sách lớn hơn nhu cầu chi thực hiện cải cách tiền lương theo quy định thì tiếp tục chuyển sang năm sau để tạo nguồn cải cách tiền lương, không được sử dụng cho các mục tiêu khác.

Khi phân bổ và giao dự toán chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc, các cơ quan cấp tỉnh (*Đơn vị dự toán cấp I*) và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phải xác định và giao nhiệm vụ thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2012

4. Ngoài thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên như đã nêu ở điểm 3, khi phân bổ và giao dự toán chi ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phải thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên năm 2013 (*Trừ tiền lương, phụ cấp theo lương và các khoản chi con người theo chế độ*). Các cấp ngân sách tỉnh, huyện quản lý tập trung nguồn 10% tiết kiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc ngân sách cấp mình để bố trí chi cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Chậm nhất 05 ngày sau khi dự toán ngân sách huyện, thành phố được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT.Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Ban KT-NS của HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- Trưởng, phó phòng QHKHTH;
- Chuyên viên KT;
- Lưu VT (B.QĐ70).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Handwritten signature

Lê Minh Chiến



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2013

Đơn vị: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

(Kèm theo Quyết định số 31/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh Bạc Liêu)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
I	PHẦN THU		
1	Tổng số thu từ phí, lệ phí; thu khác	19.266.660	
2	Số thu được để lại chi	19.266.660	
3	Số thu nộp ngân sách	-	
II	TỔNG SỐ CHI	20.325.000	
1	Chi đầu tư phát triển		
2	Chi thường xuyên(1)	20.325.000	
	- Chi trợ giá trợ cước hàng chính sách	-	
	- Chi SN kinh tế	-	
	- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	20.175.000	
	- Chi sự nghiệp y tế		
	- Chi SN khoa học công nghệ	150.000	
	- Chi SN Văn hoá TT	-	
	- Chi SN phát thanh truyền hình	-	
	- Chi NS thể dục thể thao	-	
	- Chi đảm bảo XH	-	
	- Chi quản lý hành chính Nhà nước	-	
	- Chi an ninh quốc phòng	-	
	- Chi khác ngân sách	-	
3	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	
III	CHỈ TIÊU TIẾT KIỆM (10% CHI THƯỜNG XUYỀN)	154.200	

Ghi chú:

(1) Dự toán chi thường xuyên đã bao gồm tiền lương theo Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính Phủ, các khoản phụ cấp đặc thù như: phụ cấp nghề thanh tra, kiểm tra; phụ cấp ưu đãi ngành giáo dục, y tế; phụ cấp thâm niên nghề đối với nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011; kinh phí hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên các cấp; phụ cấp độc hại, trách nhiệm; phụ cấp công vụ 25% theo nghị định 34/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012; phụ cấp 30% khối đảng, đoàn thể theo hướng dẫn 05-HD/BTCTW ngày 01/7/2011 của Ban chấp hành Trung ương Đảng,

(2) Tiết kiệm Tính bằng 10% chi hoạt động thường xuyên của năm 2013 (không kể nhóm chi con người).

CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2013

Đơn vị: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

(Kèm theo hướng dẫn số /HD/STC ngày / /2012 của Sở Tài chính Bạc Liêu)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	SỐ NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	Trường ĐHBK
I	PHÂN THU		
1	Tổng số thu từ phí, lệ phí; thu khác	19.266.660	19.266.660
2	Số thu được để lại chi	19.266.660	19.266.660
3	Số thu nộp ngân sách	-	
II	TỔNG SỐ CHI	20.325.000	20.325.000
1	Chi đầu tư phát triển	-	
2	Chi thường xuyên	20.325.000	20.325.000
	- Chi trợ giá trợ cước hàng chính sách	-	
	- Chi SN kinh tế	-	
	- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	20.175.000	20.175.000
	- Chi sự nghiệp y tế	-	
	- Chi SN khoa học công nghệ	150.000	150.000
	- Chi SN Văn hoá TT	-	
	- Chi SN phát thanh truyền hình	-	
	- Chi NS thể dục thể thao	-	
	- Chi đảm bảo XH	-	
	- Chi quản lý hành chính Nhà nước	-	
	- Chi an ninh quốc phòng	-	
	- Chi khác ngân sách	-	
3	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	
III	CHỈ TIÊU TIẾT KIỆM (10% CHI THƯỜNG XUYỀN)	154.200	154.200

Ghi chú:

- Ngoài định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên, có bố trí đưa vào dự toán năm 2013 của đơn vị, kinh phí lớp đại học Luật năm cuối là: 1.166.000.000đ, Kinh phí lớp đại học Kinh tế Nông nghiệp năm cuối là: 378.000.000đ..

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 150.000.000đ thực hiện các đề tài khoa học.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

Số: 43 /QĐ-UBND

TRƯỞNG 10% 2014 482.100
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày 16 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2014

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 2337/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 2986/QĐ-BTC ngày 30/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2013/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2014 tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2014 tỉnh Bạc Liêu;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 890A/TTr STC ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2014 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, bao gồm cả các khoản ngân sách tỉnh đã chi ứng trước phải thu hồi vào dự toán ngân sách năm 2014.

(Chi tiết theo các phụ biểu từ 01 đến 07 và thuyết minh dự toán đính kèm)

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách Nhà nước được giao:

1. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh *(Đơn vị dự toán cấp I)* giao dự toán thu, chi cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc chi tiết theo từng lĩnh vực chi tương ứng với loại, khoản của mục lục ngân sách Nhà nước *(Không phân bổ chi tiết theo các nhóm mục chi và không phân bổ chi tiết theo từng quý trong năm)*.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách huyện, thành phố theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban

nhân dân huyện, thành phố quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, mức bổ sung từ ngân sách huyện, thành phố cho từng xã, phường, thị trấn.

Các huyện, thành phố phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2014 cho các lĩnh vực: Đầu tư xây dựng cơ bản; môi trường; khoa học công nghệ; giáo dục - đào tạo và ngân sách xã không thấp hơn mức dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Đối với các lĩnh vực khác, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ chế độ chính sách chi ngân sách, khối lượng nhiệm vụ của từng lĩnh vực, yêu cầu thực tế của địa phương và hướng dẫn của UBND tỉnh, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, phân bổ và giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

3. Trong phân bổ dự toán chi năm 2014, các cơ quan, đơn vị, địa phương (*Kể cả các đơn vị sự nghiệp có thu thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và cơ quan Nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ*) phải cân đối nguồn để thực hiện cải cách tiền lương, bao gồm:

a) 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2014 (*Trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương theo mức lương tối thiểu 1.150.000 đồng*);

b) Đối với các cơ quan, đơn vị có nguồn thu từ phí, lệ phí sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2014 (riêng ngành y tế sử dụng tối thiểu 35%, sau khi trừ chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao, kinh phí chi trả phụ cấp thường trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật nếu đã kết cấu trong giá dịch vụ, khám chữa bệnh);

c) Ngoài ra, đối với ngân sách huyện, thành phố (*Kể cả ngân sách xã, phường, thị trấn*) còn phải cân đối thêm 50% tăng thu ngân sách (*Không kể số tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất*) dự toán năm 2014 so với dự toán năm 2013 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

d) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2013 chưa sử dụng hết (*nếu có*) chuyển sang;

Sau khi thực hiện các biện pháp nêu trên mà không đủ nguồn thì ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ để đảm bảo nguồn thực hiện cải cách tiền lương. Trường hợp nguồn cải cách tiền lương xác định theo các quy định trên của đơn vị và các cấp ngân sách lớn hơn nhu cầu chi thực hiện cải cách tiền lương theo quy định thì tiếp tục chuyển sang năm sau để tạo nguồn cải cách tiền lương, không được sử dụng cho các mục tiêu khác.

Cộng nhất 05 ngày sau khi dự toán ngân sách huyện, thành phố được Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Ban KT-NS của HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- Trưởng, phó phòng QHKTTH;
- Chuyên viên KT;
- Lưu VT (B.QĐ70).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Chiến

CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2014

Đơn vị: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STC ngày / /2013 của Sở Tài chính Bạc Liêu)



Đơn vị tính: 1.000đồng

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
I	PHÂN THU		
1	Tổng số thu từ phí, lệ phí và thu khác	20.134.000	
2	Số thu được để lại	20.134.000	
3	Số nộp ngân sách	-	
II	TỔNG SỐ CHI	23.850.000	
1	Chi đầu tư phát triển		
2	Chi thường xuyên (1)	23.850.000	
-	Chi sự nghiệp giáo dục		
-	Chi sự nghiệp đào tạo	23.700.000	
-	Chi quản lý hành chính nhà nước		
-	Chi sự nghiệp khoa học	150.000	
-	Chi đảm bảo xã hội		
3	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	
III	CHỈ TIÊU TIẾT KIỆM (10% CHI THƯỜNG XUYỀN) (2)	482.100	

Ghi chú:

1/ Chi Sự nghiệp đào tạo bao gồm kinh phí Lớp đại học Kế toán Liên thông năm học 2013-2014: 331trđ.

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2014
Đơn vị: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU
 (Kèm theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh Bạc Liêu)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
I	PHẦN THU		
1	Tổng số thu từ phí, lệ phí và thu khác	20.134.000	
2	Số thu được để lại	20.134.000	
3	Số nộp ngân sách	-	
II	TỔNG SỐ CHI	23.850.000	
1	Chi đầu tư phát triển		
2	Chi thường xuyên (1)	23.850.000	
-	Chi sự nghiệp giáo dục		
-	Chi sự nghiệp đào tạo	23.700.000	
-	Chi quản lý hành chính nhà nước		
-	Chi sự nghiệp khoa học	150.000	
-	Chi đảm bảo xã hội		
3	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	
III	CHỈ TIÊU TIẾT KIỆM (10% CHI THƯỜNG XUYỀN) (2)	482.100	

Ghi chú:

(1) Dự toán chi thường xuyên đã bao gồm tiền lương theo Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính Phủ, các khoản phụ cấp đặc thù như: phụ cấp nghề thanh tra, kiểm tra; phụ cấp ưu đãi ngành giáo dục, y tế; phụ cấp thâm niên nghề đối với nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011; kinh phí hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên các cấp; phụ cấp độc hại, trách nhiệm; phụ cấp công vụ 25% theo nghị định 34/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012; phụ cấp 30% khối đảng, đoàn thể theo hướng dẫn 05-HD/BTCTW ngày 01/7/2011 của Ban chấp hành Trung ương Đảng,

(2) Tiết kiệm Tính bằng 10% chi hoạt động thường xuyên của năm 2014 (không kể nhóm chi con người).



QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 3043/QĐ-BTC ngày 28/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2015 tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2015 tỉnh Bạc Liêu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 935/TTr-STC ngày 18 tháng 12 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2015 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; bao gồm cả các khoản ngân sách tỉnh đã chi ứng trước phải thu hồi vào dự toán ngân sách năm 2015.

(Chi tiết theo các biểu từ 01 đến 07 và Thuyết minh dự toán đính kèm)

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách Nhà nước được giao:

1. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh (Đơn vị dự toán cấp I) giao dự toán thu, chi cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc chi tiết theo từng lĩnh vực chi tương ứng với loại, khoản của mục lục ngân sách Nhà nước (không phân bổ chi tiết theo các nhóm mục chi và không phân bổ chi tiết theo từng quý trong năm).

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách huyện, thành phố theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị

trực thuộc, mức bổ sung từ ngân sách huyện, thành phố cho từng xã, phường, thị trấn.

Các huyện, thành phố phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2015 cho các lĩnh vực: Đầu tư xây dựng cơ bản; môi trường; khoa học công nghệ; giáo dục - đào tạo và ngân sách xã không thấp hơn mức dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Đối với các lĩnh vực khác, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ chế độ chính sách chi ngân sách, khối lượng nhiệm vụ của từng lĩnh vực, yêu cầu thực tế của địa phương và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, phân bổ và giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

3. Trong phân bổ dự toán chi năm 2015, các cơ quan, đơn vị, địa phương (kể cả các đơn vị sự nghiệp có thu thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và cơ quan Nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ) phải cân đối nguồn để thực hiện cải cách tiền lương, bao gồm:

a) 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2015 (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương theo mức lương tối thiểu 1.150.000 đồng);

b) Đối với các cơ quan, đơn vị có nguồn thu từ phí, lệ phí sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2015 (riêng ngành y tế sử dụng tối thiểu 35%, sau khi trừ chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao, kinh phí chi trả phụ cấp thường trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật nếu đã kết cấu trong giá dịch vụ, khám chữa bệnh);

c) Ngoài ra, đối với ngân sách huyện, thành phố (kể cả ngân sách xã, phường, thị trấn) còn phải cân đối thêm 50% tăng thu ngân sách (không kể số tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất) dự toán năm 2015 so với dự toán năm 2014 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

d) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2014 chưa sử dụng hết (nếu có) chuyển sang;

Sau khi thực hiện các biện pháp nêu trên mà không đủ nguồn thì ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ để đảm bảo nguồn thực hiện cải cách tiền lương. Trường hợp nguồn cải cách tiền lương xác định theo các quy định trên của đơn vị và các cấp ngân sách lớn hơn nhu cầu chi thực hiện cải cách tiền lương theo quy định thì tiếp tục chuyển sang năm sau để tạo nguồn cải cách tiền lương, không được sử dụng cho các mục tiêu khác.

Chậm nhất 05 ngày sau khi dự toán ngân sách huyện, thành phố được Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Ban KT - NS HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, HY (QĐ11).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Chiến



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2015

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

(Kèm theo Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Bạc Liêu)

Đơn vị tính : 1.000đ

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
I	PHẦN THU:		
1	Tổng số thu từ phí, lệ phí; thu khác	-	
2	Số thu được để lại chi		
3	Số thu nộp ngân sách nhà nước		
II	TỔNG SỐ CHI	23,389,000	
1	Chi đầu tư phát triển	-	
	Trong đó : - Chi xây dựng cơ bản	-	
	- Chi hỗ trợ vốn DNNN		
2	Chi thường xuyên (1)	23,389,000	
	- Chi trợ giá, trợ cước hàng chính sách		
	- Chi SN kinh tế		
	- Chi SN giáo dục, đào tạo	23,089,000	
	- Chi SN Y tế		
	- Chi SN khoa học công nghệ	150,000	
	- Chi SN văn hóa TT		
	- Chi SN phát thanh truyền hình		
	- Chi SN thể dục thể thao		
	- Chi Đảm bảo XH	150,000	
	- Chi Quản lý hành chính Nhà nước	-	
	- Chi An ninh quốc phòng		
	- Chi khác ngân sách		
3	Chi thực hiện các chương trình, DA, nhiệm vụ khác		
III	Chỉ tiêu tiết kiệm (10% chi thường xuyên)(2)	348,100	

* Ghi chú:

(1) Dự toán chi thường xuyên đã bao gồm tiền lương theo Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính Phủ, các khoản phụ cấp đặc thù như: phụ cấp nghề thanh tra, kiểm tra; phụ cấp ưu đãi ngành giáo dục, y tế; phụ cấp thâm niên nghề đối với nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011; kinh phí hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên các cấp; phụ cấp độc hại, trách nhiệm; phụ cấp công vụ 25% theo nghị định 34/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012; phụ cấp 30% khối đảng, đoàn thể theo hướng dẫn 05-HD/BTCTW ngày 01/7/2011 của Ban chấp hành Trung ương Đảng,

(2) Tiết kiệm tính bằng 10% số chi hoạt động thường xuyên của năm 2013 (không kể nhóm chi cho con người).

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2015

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

Kèm theo hướng dẫn số /HD-STC ngày / /2014 của Sở Tài chính tỉnh Bạc Liêu)

Đơn vị tính : 1.000đ

TT	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	Trong đó	
			Trường Đại học Bạc Liêu	
I	PHẦN THU:			
1	Tổng số thu từ phí, lệ phí; thu khác	-	-	-
2	Số thu được để lại chi	-		
3	Số thu nộp ngân sách nhà nước	-		
II	TỔNG SỐ CHI	23,389,000	23,389,000	
1	Chi đầu tư phát triển	-	-	
	Trong đó : - Chi xây dựng cơ bản	-		
	- Chi hỗ trợ vốn DNNN			
2	Chi thường xuyên (1)	23,389,000	23,389,000	-
	- Chi trợ giá, trợ cước hàng chính sách	-		
	- Chi SN kinh tế	-		
	- Chi SN giáo dục, đào tạo	23,089,000	23,089,000	
	- Chi SN Y tế	-		
	- Chi SN khoa học công nghệ	150,000	150,000	
	- Chi SN Văn hóa Thể thao và Du lịch	-		
	- Chi SN phát thanh truyền hình	-		
	- Chi Đảm bảo Xã hội	150,000	150,000	
	- Chi Quản lý hành chính Nhà nước	-		-
	- Chi An ninh quốc phòng	-		
	- Chi khác ngân sách	-		
3	Chi thực hiện các chương trình, DA, nhiệm vụ khác	-		
III	Chỉ tiêu tiết kiệm (10% chi thường xuyên)(2)	348,100	348,100	

*Ghi chú:

- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo bao gồm: kinh phí đào tạo các lớp do nhà nước đặt hàng: 328.000.000đ

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: kinh phí thực hiện các đề tài khoa học của ngành: 150.000.000đ

- Chi đảm bảo xã hội: kinh phí miễn, giảm học phí theo Nghị định 49: 150.000.000đ

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 2502/QĐ-BTC ngày 28 tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về việc thông qua phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 851/TTr-STC ngày 21 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2016 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (*theo các biểu đính kèm*); bao gồm cả các khoản ngân sách tỉnh đã chi ứng trước phải thu hồi vào dự toán ngân sách năm 2016.

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách Nhà nước được giao:

1. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh (*đơn vị dự toán cấp I*) giao dự toán thu, chi cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc chi tiết theo từng lĩnh vực chi tương ứng với loại, khoản của mục lục ngân sách Nhà nước (*không phân bổ chi tiết theo các nhóm mục chi và không phân bổ chi tiết theo từng quý trong năm*).

2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách huyện, thị xã, thành phố theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho

các cơ quan, đơn vị trực thuộc, mức bổ sung từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố cho từng xã, phường, thị trấn.

Các huyện, thị xã, thành phố phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2016 cho các lĩnh vực: Đầu tư xây dựng cơ bản; môi trường; khoa học công nghệ; giáo dục - đào tạo và ngân sách xã không thấp hơn mức dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Đối với các lĩnh vực khác, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố căn cứ chế độ chính sách chi ngân sách, khối lượng nhiệm vụ của từng lĩnh vực, yêu cầu thực tế của địa phương và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, phân bổ và giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

3. Trong phân bổ dự toán chi năm 2016, các cơ quan, đơn vị, địa phương (*kể cả các đơn vị sự nghiệp có thu thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và cơ quan Nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ*) phải cân đối nguồn để thực hiện cải cách tiền lương, bao gồm:

a) 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2016 (*trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương theo mức lương tối thiểu 1.150.000 đồng*);

b) Ngoài tiết kiệm 10% chi thường xuyên nêu trên, thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (*trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương*) ngay từ khâu dự toán và giữ lại phần tiết kiệm ở các cấp ngân sách để bố trí thực hiện cải cách tiền lương.

c) Đối với các cơ quan, đơn vị có nguồn thu từ phí, lệ phí sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2016 (*riêng ngành y tế sử dụng tối thiểu 35%, sau khi trừ chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao, kinh phí chi trả phụ cấp thường trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật nếu đã kết cấu trong giá dịch vụ, khám chữa bệnh*);

d) Ngoài ra, đối với ngân sách huyện, thị xã, thành phố (*kể cả ngân sách xã, phường, thị trấn*) còn phải cân đối thêm 50% tăng thu ngân sách (*không kể số tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất*) dự toán năm 2016 so với dự toán năm 2015 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

đ) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2015 chưa sử dụng hết (*nếu có*) chuyển sang;

Sau khi thực hiện các biện pháp nêu trên mà không đủ nguồn thì ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ để đảm bảo nguồn thực hiện cải cách tiền lương. Trường hợp nguồn cải cách tiền lương xác định theo các quy định trên của đơn vị và các cấp ngân sách lớn hơn nhu cầu chi thực hiện cải cách tiền lương theo quy định thì tiếp tục chuyển sang năm sau để tạo nguồn cải cách tiền lương, không được sử dụng cho các mục tiêu khác.

Chậm nhất 05 ngày sau khi dự toán ngân sách huyện, thị xã, thành phố được Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3; *M*
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Ban KT - NS HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, HY (QĐ12). *vu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *otel*



Receit
Lê Minh Chiến

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

(Kèm theo Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Bạc Liêu)

Đơn vị tính : 1.000đ

TT		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
I	PHẦN THU:		
1	Tổng số thu từ phí, lệ phí; thu khác	19,046,000	
2	Số thu được để lại chi	18,859,000	
3	Số thu nộp ngân sách nhà nước	187,000	
II	TỔNG SỐ CHI	21,418,000	
1	Chi đầu tư phát triển	400,000	
	Trong đó : - Chi xây dựng cơ bản	400,000	
	- Chi hỗ trợ vốn DNNN		
2	Chi thường xuyên (1)	21,018,000	
	- Chi trợ giá, trợ cước hàng chính sách		
	- Chi SN kinh tế		
	- Chi SN giáo dục, đào tạo	20,868,000	
	- Chi SN Y tế		
	- Chi SN khoa học công nghệ	150,000	
	- Chi SN văn hóa TT		
	- Chi SN phát thanh truyền hình		
	- Chi SN thể dục thể thao		
	- Chi Đảm bảo XH	-	
	- Chi Quản lý hành chính Nhà nước	-	
	- Chi An ninh quốc phòng		
	- Chi khác ngân sách		
3	Chi thực hiện các chương trình, DA, nhiệm vụ khác		
III	Chỉ tiêu tiết kiệm (10% chi thường xuyên)(2)	198,000	

* Ghi chú:

(1) Dự toán chi thường xuyên đã bao gồm tiền lương theo Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính Phủ, các khoản phụ cấp đặc thù như: phụ cấp nghề thanh tra, kiểm tra; phụ cấp ưu đãi ngành giáo dục, y tế; phụ cấp thâm niên nghề đối với nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011; kinh phí hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên các cấp; phụ cấp độc hại, trách nhiệm; phụ cấp công vụ 25% theo nghị định 34/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012; phụ cấp 30% khối đảng, đoàn thể theo hướng dẫn 05-HD/BTCTW ngày 01/7/2011 của Ban chấp hành Trung ương Đảng,

(2) Tiết kiệm tính bằng 10% số chi hoạt động thường xuyên của năm 2016 (không kể nhóm chi cho con người).

(3) Tổng số chi chưa kể chi từ nguồn xổ số kiến thiết.

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Bạc Liêu)

ĐVT: triệu đồng

TT	Chủ đầu tư	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2016	Ghi chú
1	2	3	4	5
		Tổng cộng	770.000	
A		Ngân sách tỉnh quản lý chi	634.300	
I		Trả nợ vay tín dụng ưu đãi	86.250	
II		Lĩnh vực y tế, giáo dục và dạy nghề	277.800	
I		Chuẩn bị đầu tư	36.500	
-	Sở Y tế	Mua sắm trang thiết bị y tế cho 14 trạm y tế năm 2015	1.000	
-	Sở Y tế	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền	1.000	
-	UBND thành phố Bạc Liêu (Trung tâm Y tế TPBL)	Dự án xây dựng phòng khám đa khoa Thành phố Bạc Liêu	1.000	
-	Trường Cao đẳng y tế	Xây dựng khu thực hành, trường Cao đẳng y tế	1.000	
-	Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật	Xây dựng trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật	1.000	
-	Sở GD & ĐT	Xây dựng trường THPT Bạc Liêu	1.000	
-	Sở GD & ĐT	Cải tạo, mở rộng trường Trung học phổ thông Giá Rai giai đoạn 2	1.000	
-	Sở GD & ĐT	Trường THPT Vĩnh Hưng	1.000	
-	Sở GD & ĐT	THCS Phong Thạnh Tây	810	đối ứng ADB
-	Sở GD & ĐT	THCS Lương Thế Vinh (An Phúc)	1.934	đối ứng ADB
-	Sở GD & ĐT	THCS Lý Thường Kiệt	980	đối ứng ADB
-	Sở GD & ĐT	THCS Ninh Quới	820	đối ứng ADB
-	Sở GD & ĐT	THPT Hiệp Thành (mới) (Xây dựng bổ sung 21 phòng học và 8 phòng bộ môn để tách THCS)	1.000	
-	Sở GD & ĐT	Trường THPT Võ Văn Kiệt (cải tạo, mở rộng)	1.000	
-	Sở GD & ĐT	Trường THPT chuyên Bạc Liêu (đầu tư phát triển giai đoạn 2011-2020)	1.000	
-	BCH Quân sự tỉnh	Sửa chữa, cải tạo Trường Quân sự địa phương	1.000	
-	Ban QLDA tỉnh	Trường Đại học Bạc Liêu (cơ sở 2)	1.000	
-	Trường Đại học BL	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Trường Đại học Bạc Liêu	500	
-	UBND TP BL	Trường Tiểu học chất lượng cao Thành phố Bạc Liêu	1.000	
-	UBND TP BL	Trường Mầm non thành phố Bạc Liêu	1.000	
-	UBND Thị xã GR	Trường mẫu giáo Phong Thạnh Tây	1.000	
-	UBND Huyện VL	Xây dựng Trường TH Nguyễn Bình Khiêm, xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi	1.000	
-	UBND Huyện HB	Trường mầm non Hoàng Oanh	1.000	
-	UBND Huyện ĐH	Trường Tiểu học Hồ Thị Kỳ	700	
-	UBND Huyện PL	Trường Mầm non Sơn Ca	1.577	đối ứng